TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2018/KDTM-PT
Ngày: 12-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
thi công công trình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn

Bà Thái Thị Hữu Xuân

Thư ký phiên tòa: Ông: Phạm Văn Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 09 và 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2018/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp đồng thi công công trình".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 29/2017/KDTM-ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1982, địa chỉ hộ khẩu thường trú: Xóm 00, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; địa chỉ tạm trú: Số 00, đường C, Tổ 00, Khu phố 00, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là Chủ hộ kinh doanh A.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Công Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: 00, tổ 00, Đường C, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V (viết tắt Công ty V), trụ sở tại: Số 00, đường C, khu phố 00, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 00, đường C, khu phố 00, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Ngô Thị Bé B, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 00, Quốc lộ 00, phường T, Quận 00, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 00, đường C, khu phố 00, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Ông L, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 00, đường Lê Hồng P, tổ 00, khu phố 00, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26 tháng 9 năm 2016, ông Trần Văn C (chủ Hộ kinh doanh A) ký Hợp đồng cung cấp và thi công màn cửa với Công ty V. Hai bên thỏa thuận: Ông C cung cấp màn cửa và thi công lắp đặt màn cửa cho Công ty V tại khách sạn V 1 và 2, tọa lạc tại phường P và phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích màn cửa thi công là 916.41 m^2, đơn giá 380.000 đồng/m^2, tổng giá trị hợp đồng là 348.235.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng là 04 tháng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

Việc ký kết Hợp đồng ngày 26/9/2016 là để hợp thức hóa việc thi công màn cửa cho Công ty V được thỏa thuận bằng miệng giữa ông C và bà Ngô Thị Bé B vào năm 2015.

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng, ông C đã tiến hành cắt may, lắp đặt màn cửa theo thỏa thuận và đã lắp đặt xong màn cửa của khách sạn V 1. Tuy nhiên, sau khi thi công xong tầng trệt khách sạn V 2 thì Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng, không thanh toán giá trị màn cửa đã lắp đặt xong, không cho ông C tiếp tục thi công các tầng lầu tiếp theo của khách sạn V 2 mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V trả cho ông C số tiền 73.674.400 đồng thi công màn cửa tầng trệt khách sạn V 2; trả số tiền lãi trên số tiền 73.674.400 đồng tạm tính từ ngày 26/9/2016 đến ngày 26/5/2017 (08 tháng) với mức lãi suất 0,75% /tháng là: 4.420.464 đồng; phạt vi phạm số tiền 34.823.500 đồng tương đương 10% giá trị của hợp đồng; bồi thường số tiền 274.287.800 đồng, tương đương với số lượng màn cửa ông C đã cắt may xong chuẩn bị lắp đặt cho các tầng còn lại của khách sạn V 2. Sau khi Công ty V thanh toán đầy đủ cho ông C các

khoản trên thì ông C giao lại số màn cửa bằng vải có diện tích 721,81 m^2 cho Công ty V.

- Tại Bản tự khai ngày 29/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn ông L trình bày:

Ông L thừa nhận ngày 29/6/2016, Công ty V có ký Hợp đồng cung cấp, thi công màn cửa số 01 - HĐAT với ông Trần Văn C (chủ Hộ kinh doanh A). Nội dung hợp đồng đúng như lời trình bày nêu trên của đại diện nguyên đơn. Chữ ký và con dấu trong hợp đồng là chữ ký của ông V (con trai ông L), Giám đốc Công ty V thời điểm đó. Sau khi ký kết hợp đồng, Hộ kinh doanh A chưa thực hiện việc cắt may, thi công màn cửa cho Công ty V.

Việc Công ty V ký kết Hợp đồng thi công màn cửa ngày 26/9/2016 với ông C là do năm 2015 ông C khởi kiện công ty V tranh chấp Hợp đồng thi công màn cửa thỏa thuận bằng miệng với bà Ngô Thị Bé B (vợ ông L). Khi đến Tòa án hòa giải, hai bên thỏa thuận được nên ông C rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn kiện, ông C không làm gì hết. Đến năm 2016, ông C tiếp tục khởi kiện Công ty V. Ngày 26/9/2016, Công ty V và ông C thỏa thuận được nên ông C rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2016/QĐST-KDTM ngày 26/9/2016. Cùng ngày, Công ty V và ông C ký kết Hợp đồng thi công màn cửa ngày 26/9/2016 để ông C tiếp tục thi công các tầng lầu còn lại của khách sạn V 2. Việc ký kết hợp đồng là để hợp thức hóa việc thi công màn cửa khách sạn V 1, khách sạn V 2 và nhà ông L được thỏa thuận bằng miệng giữa bà Ngô Thị Bé B và ông C năm 2015. Công ty V dự định đưa ông C số tiền 50.000.000 đồng như thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng khi yêu cầu ông C trả lại tờ giấy trước đây bà B ký khống cho ông C để ông C quyết toán thuế cuối năm với cơ quan thuế nhưng ông C không trả. Do vậy, Công ty V không đưa số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho ông C. Do không nhận được số tiền 50.000.000 đồng nên ông C không thi công theo thỏa thuận. Sau đó, ông C tiếp tục khởi kiện công ty V yêu cầu bồi thường số tiền 387.206.164 đồng. Công ty V đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng theo đúng khối lượng màn cửa ông C đã thi công tại khách sạn V 1, nhà ông L và tầng trệt khách sạn V 2 theo Bảng xác nhận khối lượng thi công ngày 13/9/2015. Do đó, Công ty V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C - đại diện Hộ kinh doanh A.

- Tại Bản tự khai 01/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Bé B trình bày:

Bà B là vợ của ông L - Giám đốc Công ty V, là mẹ của ông V (trước đây là Giám đốc Công ty V, hiện nay đã chết). Khách sạn V 1 và khách sạn V 2 là tài sản thuộc Công ty V. Công ty V là công ty gia đình. Bà B phụ trách phần trang trí nội thất tại 02 khách sạn trên và quản lý tài chính của Công ty V. Khoảng tháng 7, 8/2015, khách sạn V 1, 2 có nhu cầu thay màn cửa bằng vải nên bà B thỏa thuận giao kết Hợp đồng thi công màn cửa với ông C. Cùng thời điểm này, ông L là đầu

bếp khách sạn V 2 có nhu cầu lắp đặt màn cửa nên bà B thỏa thuận với ông C để thi công luôn cho ông L. Việc giao kết hợp đồng bằng miệng, không lập thành văn bản. Hai bên thống nhất giá thi công màn cửa là 120.000 đồng/m^2.

Trong quá trình thi công, ông C đã thi công xong màn cửa tại khách sạn V 1, nhà ông L và tầng trệt khách sạn V 2 thì Công ty V phát hiện ông C thi công không đúng loại vải, không đúng mẫu theo yêu cầu ban đầu và tính giá trị màn cửa cao hơn so với giá thực tế nên yêu cầu ông C ngưng thi công. Ông C đồng ý, không có ý kiến gì. Sau đó, ông C khởi kiện Công ty V. Ngày 13/9/2015, ông L và ông C nghiệm thu thực tế và xác định được khối lượng màn cửa ông C đã thi công là 38 bộ màn cửa (gồm 03 bộ cửa chính và 35 bộ cửa sổ) tại khách sạn V 1, 06 bộ màn cửa sổ khách sạn V 2 và nhà ông L. Sau đó, ông L ký xác nhận vào Bảng xác nhận khối lượng thi công ngày 13/9/2015, trong đó thể hiện đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho ông C. Tuy nhiên, thực tế việc thanh toán số tiền này là do bà B trực tiếp hoặc đưa tiền cho ông L để ông L đưa lại cho ông C. Tổng số lần đưa 5 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, trong đó bao gồm số tiền 9.000.000 đồng ông L trả cho ông C khi ông C làm màn cửa nhà ông L. Mỗi lần ông L đưa tiền cho ông C, ông C đều ghi vào sổ riêng. Hiện cuốn sổ này ông C đang trực tiếp lưu giữ.

Sau khi thỏa thuận được, ông C rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 31/2015/QĐST-KDTM, ngày 24/9/2015. Sau đó, bà B nhiều lần yêu cầu ông C tiếp tục thi công lắp đặt màn cửa tại khách sạn V 2 nhưng ông C không thi công mà tiếp tục khởi kiện tại Tòa án.

Bà B xác định số tiền 100.000.000 đồng bà B thay mặt cho Công ty V trả cho ông C dựa trên diện tích vải ông C đã thi công thực tế được ông L ký xác nhận ngày 13/9/2015. Bà B không có yêu cầu độc lập, không đồng ý việc khởi kiện của ông C.

- Tại Bản tự khai 01/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L trình bày:

Ông L là đầu bếp của khách sạn V 2, ông L không có quan hệ bà con, bạn bè gì với ông C. Ông L biết ông C do vào năm 2015 ông L nhờ bà B tìm người may màn cửa nhà ông L nên biết ông C. Ông C đã lắp đặt cho ông L 06 bộ màn cửa (04 cửa sổ, 02 cửa chính), giá trị thi công là 9.000.000 đồng, ông L đã đưa số tiền trên cho bà B để bà B thanh toán cho ông C. Ông L không liên quan gì đến tranh chấp giữa ông C và Công ty V. Ông L không có yêu cầu độc lập, có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 29/2017/KDTM-ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A đối với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 254.287.800 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A về việc yêu cầu thanh toán số lượng màn cửa đã thi công tại tầng trệt khách sạn V 2. Buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V trả cho ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A số tiền 8.638.200 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Văn C có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V chậm trả số tiền trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Tuyên chấm dứt Hợp đồng cung cấp thi công màn cửa ngày 26/9/2016, giữa Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V và ông Trần Văn C - Đại diện Hộ kinh doanh A.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm trả 4.420.464 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 10%, tương đương số tiền 34.823.500 đồng do đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/01/2018, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm trả 4.420.464 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 10%, tương đương số tiền 34.823.500 đồng. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2018, các đương sự đã thoả thuận ông C giao thêm cho Công ty V 06 bộ màn cửa và Công ty V đã thanh toán cho ông C 06 bộ màn cửa này với số tiền 18.513.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc thỏa thuận này (đã thi hành xong). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền màn cửa còn nợ như án sơ thẩm xử là 8.638.000đồng, 35 bộ đầu màn cửa trị giá 8.750.000 đồng mà bị đơn chấp nhận thanh toán thêm tại phiên tòa phúc thẩm và số màn cửa đã may nhưng chưa lắp đặt 254.237.800đồng (đã trừ tiền công lắp đặt 20.000.000đồng), nguyên đơn chấp nhận giao số màn cửa này cho bị đơn khi thanh toán xong số nợ.

Ý kiến của đại diện bị đơn: Ngày 03/10/2018, Công ty V đã thanh toán cho ông C 06 bộ màn cửa với số tiền 18.513.000 đồng. Ngoài ra, đại diện bị đơn đồng ý thanh toán 35 bộ đầu màn cửa với số tiền 8.750.000 đồng. Riêng số màn cửa còn lại không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không đúng mẫu vải hai bên đã thỏa thuận.

Ý kiến của bà B: Thống nhất ý kiến của đại diện bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 254.237.800đồng là có căn cứ nên không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn vì không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Phần còn lại do đương sự thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo sự thay đổi yêu cầu của nguyên đơn hiện nay.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 22/12/2017, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử vụ án theo Bản án số 29/2017/KDTM-ST. Ngày 08/01/2018, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, nộp biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm là trong thời hạn và đúng thủ tục kháng cáo theo quy định.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm trả 4.420.464 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 10%, tương đương số tiền 34.823.500 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Tòa, các đương sự thống nhất khoảng tháng 7/2015 bà Ngô Thị Bé B (vợ ông L - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V hiện nay) có thỏa thuận bằng lời nói để ông C thi công lắp đặt màn cửa vải cho bị đơn tại khách sạn V 1, khách sạn V 2 và nhà ông L (đầu bếp của công ty). Giá màn vải hai bên thỏa thuận là 380.000đồng/m^2. Bị đơn công ty V đồng ý nhận các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc bà B giao kết hợp đồng với ông C. Quá trình thi công, ông C đã cắt may và lắp đặt xong màn cửa Khách sạn V 1, nhà ông L và tầng trệt khách sạn V 2 thì phát sinh tranh chấp nên không thi công các tầng lầu tiếp theo của khách sạn V 2. Khoảng tháng 8/2015, ông C khởi kiện Công ty V ra Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Sau đó hai bên thỏa thuận được, ông L đại diện Công ty V ký Bảng xác nhận khối lượng thi công ngày 13/9/2015 và thanh toán cho ông C một phần giá trị màn cửa đã thi công với số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/9/2015, người đại diện ông C rút đơn khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 31/2015/QĐST-KDTM ngày 24/9/2015. Sau khi rút đơn khởi kiện, ông C chưa thi công, lắp đặt các màn cửa của các tầng lầu khách sạn V 2 thì tiếp tục phát sinh tranh chấp. Ông C tiếp tục khởi kiện Công ty V. Tại Tòa, hai bên tự thỏa thuận

được về việc tiếp tục hợp đồng nên ông C và ông L đại diện Công ty V ký kết Hợp đồng cung cấp, thi công màn cửa ngày 26/9/2016. Cùng ngày, đại diện ông C rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2016/QĐST-KDTM ngày 26/9/2016. Xét các tình tiết sự kiện pháp lý nêu trên đều được tất cả các đương sự thừa nhận nên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc các bên thừa nhận Hợp đồng ngày 26/9/2016 là để hợp thức hóa việc thi công các màn cửa còn lại của khách sạn V 2 và việc bà B đặt may màn cửa từ khoảng 7/2015. Vì vậy, tại tòa các đương sự thống nhất chấm dứt Hợp đồng cung cấp thi công màn cửa ngày 26/9/2016 là hoàn toàn phù hợp.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền thay 35 bộ đầu màn cửa ghi trong Bảng xác nhận khối lượng thi công ngày 13/9/2015 với số tiền là 8.750.000 đồng, bị đơn không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xem 35 bộ đầu màn cửa đã được ông C thay mới tại khách sạn V 2 hay không nhưng vẫn bác yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn chấp nhận thanh toán thêm cho ông C 35 bộ đầu màn cửa với số tiền 8.750.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L đưa cho bà B số tiền màn cửa 9.000.000 đồng nhưng do ông là đầu bếp của khách sạn V 2 nên công ty chấp nhận thanh toán thay ông L số tiền màn cửa thực tế thi công là 14.858.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu bị đơn và ông L có tranh chấp số tiền trả thay sẽ giải quyết tại vụ án khác khi các đương sự có đơn khởi kiện theo luật định. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2018, các đương sự đã thoả thuận ông C giao thêm cho Công ty V 06 bộ màn cửa và Công ty V đã thanh toán cho ông C 06 bộ màn cửa này với số tiền 18.513.000đồng.

Như vậy, giá trị và khối lượng màn cửa ông C đã thi công cho bị đơn như sau: Tại nhà ông L (Út) là 39,1m^2 x 380.000 đồng = 14.858.000 đồng; khách sạn V 1 là 185,15 m^2 x 380.000 đồng = 70.357.000 đồng; thay 35 bộ đầu màn cửa là 8.750.000 đồng; tại tầng trệt khách sạn V 2 là 61,64 m^2 x 380.000 đồng = 23.423.200 đồng, 06 bộ màn cửa ông C vừa thỏa thuận giao thêm cho khách sạn V 2 là 18.513.000 đồng. Tổng cộng là: 135.901.200đồng. Công ty V đã thanh toán cho ông C số tiền 100.000.000 đồng và 06 bộ màn cửa 18.513.000 đồng còn nợ lại số tiền 17.388.200 đồng chưa thanh toán. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc Công ty V trả cho ông C số tiền màn cửa đã thi công còn lại là 17.388.200 đồng.

Đối với số màn cửa từ tầng 1 đến tầng 5 khách sạn V 2 với diện tích 853,76m^2 (trị giá 324.428.800đồng) ký hiệu L5 trong Bảng xác nhận khối lượng thi công ngày 13/9/2015 thì đại diện nguyên đơn cho rằng đã cắt vải nhưng chưa thi công gắn vào khách sạn V 2 từ năm 2015 và số vải này để trong kho của nguyên đơn, do chuyển kho nhiều lần, thời gian dài nên bị mất mát 15 bộ màn cửa diện tích

131,95 m^2 x 380.000 đồng/m^2 trị giá 50.141.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn yêu cầu giao số màn cửa còn lại với diện tích 721,81m^2, trị giá 274.287.800 đồng cho bị đơn, chấp nhận trừ lại tiền công lắp đặt 20.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán 254.287.800 đồng (giảm yêu cầu 50.141.000đồng so với đơn khởi kiện ban đầu). Đại diện bị đơn không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn vì cho rằng số màn cửa có trong kho của nguyên đơn hoàn toàn không đúng với mẫu vải mà bà B đã thỏa thuận lựa chọn ban đầu, cũng không đúng với mẫu vải mà ông C đã lắp đặt xong tại tầng trệt khách sạn V 2. Xét thấy việc thỏa thuận may màn cửa giữa bà B và ông C chỉ bằng lời nói, Hợp đồng ngày 26/9/2016 cũng không quy định rõ mẫu vải làm căn cứ để giải quyết tranh chấp. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2017 của cấp sơ thẩm thể hiện loại vải tại tầng trệt khách sạn V 2 (mẫu số 2, bút lục 127) và loại vải tại kho ông C (mẫu số 4, 5, bút lục 129, 130) hoàn toàn khác nhau, số vải tại kho vẫn còn trong bao, chưa cắt may thành màn cửa. Tại Tòa, đại diện bị đơn cho rằng bà B có thỏa thuận thay đổi mẫu vải cho số màn cửa từ tầng 1 đến tầng 5 khách sạn V 2 khác so với mẫu vải màn cửa tầng trệt. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận thay đổi mẫu vải cho số màn cửa từ tầng 1 đến tầng 5 khách sạn V 2; Bà B và ông L không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận cho phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 254.287.800 đồng của ông C là phù hợp. Đối với Biên bản xác nhận công nợ do bà B ký ngày 21/01/2015 để xác nhận công nợ thay màn cửa với tổng số tiền 268.750.000 đồng thì bà B và đại diện bị đơn không thừa nhận mà cho rằng do bà B ký khống để ông C quyết toán thuế cuối năm. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn không tính được chi tiết khối lượng màn cửa hình thành nên công nợ và nếu tính giá màn cửa 380.000đồng/m^2 thì diện tích màn cửa tương đương 707,23 m^2 cũng không phù hợp với diện tích màn cửa theo yêu cầu hiện nay của nguyên đơn nên không có giá trị chứng minh số nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39, 50, 302 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A.

2. Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 29/2017/KDTM-ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A đối với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 254.287.800 đồng.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A về việc yêu cầu thanh toán số lượng màn cửa đã thi công tại tầng trệt khách sạn V 2. Buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V trả cho ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A số tiền 17.388.200 đồng (mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám ngàn hai trăm đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc chấm dứt Hợp đồng cung cấp thi công màn cửa ngày 26/9/2016, giữa Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V và ông Trần Văn C – Chủ Hộ kinh doanh A.

2.3 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm trả 4.420.464 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 10%, tương đương số tiền 34.823.500 đồng do đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

2.4 Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Ông Trần Văn C - Chủ Hộ kinh doanh A phải chịu 12.714.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.680.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001313 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, ông C còn phải nộp thêm số tiền 3.034.000 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ V phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản:

- Ông Trần Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho ông Trần Văn C tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0021503 ngày 18/01/2018.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn C phải chịu 2.300.000đồng (cấp sơ thẩm 1.800.000 đồng, cấp phúc thẩm 500.000đồng), được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 12/10/2018./.

Nơi nhận:
- Các đương sự; 04
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một; 01
- Tổ HCTP; 01
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế. 01

02

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Dũng